

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN GIỮA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 11/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc “Tranh chấp đất đai”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1979

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1982

Người đại diện theo ủy quyền của bà Toàn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1979

Cùng địa chỉ: Khu phố X, thị trấn TN, huyện HT, tỉnh BT.

Bị đơn: Ông **Đặng Q**, sinh năm : 1933

Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1958

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: chị **Đặng Thị Thu T**, sinh năm: 1993

Cùng địa chỉ: thôn TH, xã SP, huyện HT, tỉnh BT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Vũ Tuấn H** – Luật sư của Văn phòng luật sư Vũ Tuấn H thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T đồng ý giao lại một phần diện tích đất tranh chấp từ điểm số 01 về hướng Tây 4m, từ điểm số 4 về hướng Tây 6.3m. Tổng

diện tích 63m² (có mảnh trích đo địa chính kèm theo) cho chị Đặng Thị Thu Th được quyền sử dụng. Chị Đặng Thị Thu Th thanh toán cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T số tiền 31.500.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng: Chị Đặng Thị Thu T tự nguyện chịu 2.389.000 đồng chi phí do đặc, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) Hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau;

- Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không vượt quá 20%/năm.

- Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất 10%/năm.

- Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

- Về án phí:

+ Chị Đặng Thị Thu T tự nguyện chịu 787.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T số tiền 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0016624 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Tân ngày 07/02/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Anh Dũng